MỤC LỤC

HỆ THỐNG ĐỀ ÔN THI CUỐI HỌC KÌ I LỚP 5	TRANG	
	Đề	Đáp án
ĐỀ SỐ 1 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	3	10
ĐỀ SỐ 2 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	5	12
ĐỀ SỐ 3 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	7	14

A. HỆ THỐNG ĐỀ ÔN THI

ĐỀ SỐ 1
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2026 – 2027

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Trong số thập phân 172,547 giá trị của chữ số 7 ở phần nguyên gấp bao nhiêu lần giá trị của chữ số 7 ở phần thập phân?

A. 100 **B.** 1000 **C.** 10 000 **D.** 100 000

Câu 2. Tìm chữ số y, biết $5,789 < \overline{5,7y9}$.

A. $y = 6$ **B.** $y = 7$ **C.** $y = 8$ **D.** $y = 9$

Câu 3. Làm tròn số 37,456 đến hàng phần mười ta được:

A. 37,40 **B.** 37,46 **C.** 37,4 **D.** 37,5

Câu 4. Cho các số: 5,798; 5,897; 5,978; 5,879. Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé là:

A. 5,798; 5,879; 5,897; 5,978. **B.** 5,978; 5,897; 5,879; 5,798.

C. 5,978; 5,879; 5,897; 5,798. **D.** 5,978; 5,897; 5,798; 5,979.

Câu 5. Có 168 lít dầu được chia đều vào 35 can. Hỏi 24 can dầu như thế có tất cả bao nhiêu lít dầu?

A. 192 lít **B.** 112,5 lít **C.** 108 lít **D.** 115,2 lít

Câu 6. Diện tích của hình tròn có chu vi C = 31,4cm là:

A. 50,24cm^2 **B.** 78,5cm^2 **C.** 113,04cm^2 **D.** 28,26cm^2

Câu 7. Quan sát hình vẽ và lựa chọn phát biểu đúng:

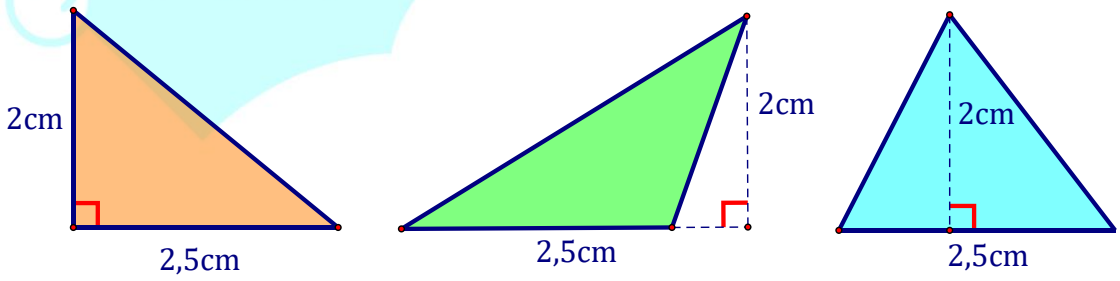

A. Hình 1 có diện tích lớn nhất. **B.** Hình 2 có diện tích lớn nhất.

C. Hình 3 có diện tích lớn nhất. **D.** Ba hình có diện tích bằng nhau.

Câu 8. Một tấm bìa hình chữ nhật ABCD có kích thước như hình vẽ bên. Biết diện tích phần tô màu trong hình là 36cm^2. Tính diện tích hình chữ nhật ABCD.

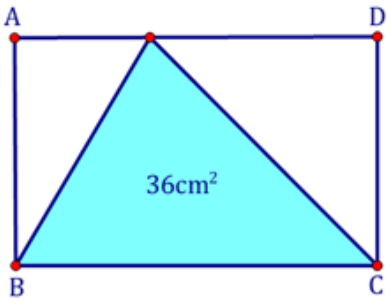

A. 60cm^2 **B.** 54cm^2

C. 72cm^2 **D.** 84cm^2

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Tính bằng cách thuận tiện:

a) 7,89 + 5,04 + 4,96 b) 96,28 × 3,527 + 3,72 × 3,527 c) 4,86 × 0,25 × 40

Bài 2. (2 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 7,68m^2 = ... cm^2 b) 8,02km^2 = ... ha

c) 3 tấn 7 yến = ... tấn d) 2ha 150m^2 = ... ha

Bài 3. (2 điểm) Một thửa ruộng hình tam giác có cạnh đáy là 50m và chiều cao tương ứng bằng $\frac{1}{2}$ độ dài đáy. Trên thửa ruộng đó người ta trồng lúa, trung bình cứ 2 m^2 thu được 1,2 kg thóc.

a) Tính diện tích của thửa ruộng.

b) Nếu mỗi ki – lô – gam thóc có giá 14 200 đồng thì bán hết lượng thóc đó người ta thu được bao nhiêu tiền?

Bài 4. (0,5 điểm) Tính chu vi và diện tích của hình dưới đây:

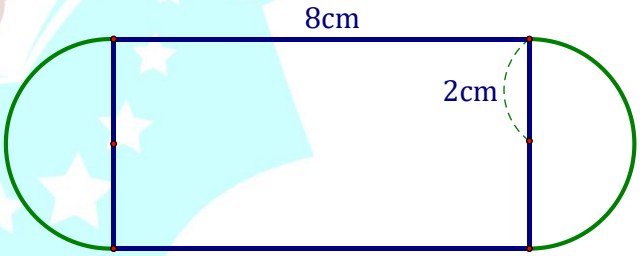

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 2
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2026 – 2027

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Số thập phân 3,2 được viết dưới dạng hỗn số có chứa phân số thập phân là:

A. $3\frac{1}{5}$ **B.** $\frac{32}{10}$ **C.** $3\frac{2}{10}$ **D.** $2\frac{3}{10}$

Câu 2. Cho các miếng bìa ghi các số: 17; 999; 439; 1000; 7. Lấy hai miếng bìa trong số các miếng bìa trên lập thành phân số. Khi đó, có thể lập được bao nhiêu phân số thập phân?

A. 1 **B.** 2 **C.** 4 **D.** 5

Câu 3. Số thập phân thích hợp điền vào chỗ chấm để **17,435 km + 818 m = ... km** là:

A. 18,253 **B.** 25,615 **C.** 31,726 **D.** 774,325

Câu 4. Một hình tam giác vuông có tích độ dài hai cạnh góc vuông là 48 cm^2. Diện tích hình tam giác đó là:

A. 48 cm^2 **B.** 12 cm^2 **C.** 96 cm^2 **D.** 24 cm^2

Câu 5. Giá trị chữ số 9 trong số thập phân 75,1849 là:

A. $\frac{9}{1\,000}$ **B.** $\frac{9}{10}$ **C.** $\frac{9}{100}$ **D.** $\frac{9}{10\,000}$

Câu 6. Kết quả của phép tính $3 + \frac{2}{5}$ là:

A. $\frac{5}{5}$ **B.** $\frac{17}{5}$ **C.** $\frac{15}{5}$ **D.** $\frac{11}{5}$

Câu 7. Một thanh sắt dài 1,2 m cân nặng 24 kg. Hỏi một thanh sắt cùng loại dài 1,8 m thì cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

A. 30 kg. **B.** 32 kg. **C.** 36 kg. **D.** 38 kg.

Câu 8. Cho hình chữ nhật ABCD có chiều dài 6 cm, chiều rộng 4 cm (như hình vẽ). Diện tích hình tam giác MDC bên trong hình chữ nhật là:

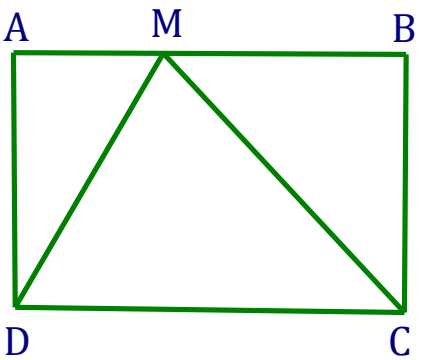

A. 24 cm^2. **B.** 5 cm^2.

C. 12 cm^2. **D.** 10 cm^2.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 54,3 + 21,97 b) 702,4 – 96,08 c) 2,54 × 8,5 d) 373,8 : 3,5

Bài 2. (1,5 điểm)

a) Tìm x biết: 2,5 : x + 9,9 = 10.

b) Tính bằng cách thuận tiện: 2,023 × 451 + 550 × 2,023 – 2,023

Bài 3. (2 điểm) Một miếng đất hình thang có diện tích là 5,22 m^2, có chiều cao 18 dm, đáy nhỏ bằng 26 dm. Hỏi đáy lớn của miếng đất dài bao nhiêu mét?

Bài 4. (0,5 điểm) Bánh xe bé của một máy kéo có bán kính 0,5 m, bánh xe lớn của máy kéo đó có bán kính 1 m. Hỏi khi bánh xe bé lăn được 10 vòng thì bánh xe lớn lăn được mấy vòng?

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 3
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2026 – 2027

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số thập phân gồm ***bảy mươi đơn vị, bảy phần mười, tám phần nghìn*** viết là:

A. 70,078 **B.** 70,870 **C.** 70,780 **D.** 70,708

Câu 2. Số 300 phải nhân với số nào để được tích là 0,3?

A. 100 **B.** 0,01 **C.** 1000 **D.** 0,001

Câu 3. Câu lạc bộ: Đọc sách, Môi trường, Sáng tạo, và Thể thao đã thu gom giấy vụn để gây quỹ ủng hộ trẻ em nghèo. Biết rằng khối lượng giấy thu gom của các câu lạc bộ lần lượt là: 45 kg; 48,3 kg; 47,75 kg; 48,05 kg. Trong các câu lạc bộ đó, câu lạc bộ thu gom được khối lượng giấy nặng nhất là:

A. Đọc sách **B.** Môi trường **C.** Sáng tạo **D.** Thể thao

Câu 4. Cho các thẻ số dưới đây. Tích của số thập phân lớn nhất và số thập phân bé nhất được lập từ các thẻ số là: 

A. 40,1 **B.** 17,29 **C.** 52,204 **D.** 21,9

Câu 5. Trong đợt **Tết Nguyên Đán** 2024, một nhóm thiện nguyện tên "Xuân Yêu Thương" dự định gói bánh chưng để tặng người nghèo. Nhóm có 108 kg gạo nếp và mỗi chiếc bánh chưng cần 0,5 kg gạo. Hỏi nhóm có thể gói được tối đa bao nhiêu chiếc bánh chưng và còn thừa bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

A. 216 chiếc và thừa 0,1 kg **B.** 215 chiếc và không thừa gạo

C. 216 chiếc và không thừa gạo **D.** 215 chiếc và thừa 0,1 kg

Câu 6. Số tiền tiết kiệm của bạn Minh sau khi làm tròn đến hàng phần trăm là 2,34 triệu đồng. Trên thực tế, số tiền tiết kiệm của Minh là:

A. 2,335 triệu đồng **B.** 2,345 triệu đồng

C. 2,346 triệu đồng **D.** 2,348 triệu đồng

Câu 7. Quan sát hình bên rồi viết vào chỗ chấm cho thích hợp.

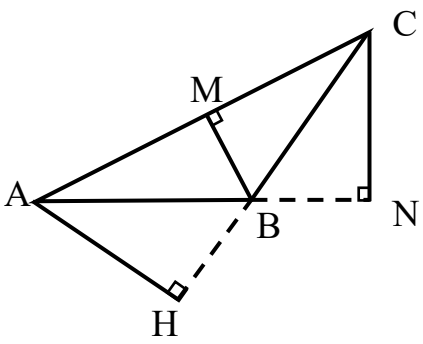

Hình tam giác ABC có:

a) Đáy AC và đường cao tương ứng là .....

b) Đáy ..... và đường cao tương ứng là CN.

c) Đáy ..... và đường cao tương ứng là .....

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính.

a) 93,54 + 527,6 b) 765,47 – 214,36 c) 6,54 x 1,39 d) 8,892 : 3,6

Bài 2. (1,5 điểm) Biển báo giao thông *Giao nhau với đường ưu tiên* có dạng hình tam giác đều (như hình bên), độ dài mỗi cạnh là 70 cm và chiều cao là 60,62 cm. Tính diện tích của biển báo đó.



Bài 3. (2 điểm) Cho hình tròn tâm O và hình vuông ABCD (như hình bên), biết chu vi hình vuông là 24 cm.

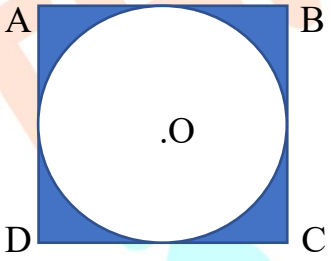

a) Tính diện tích hình tròn tâm O.

b) Tính diện tích phần tô đậm.

Bài 4. (0,5 điểm) Tính bằng cách thuận tiện.

98,05 x 7,3 + 98,05 x 4,6 - 98,05 x 1,9

B. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ SỐ 1
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2026 – 2027

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	D	B	D	B	D	C

II. TỰ LUẬN (6,0 đểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Tính bằng cách thuận tiện:

a) 7,89 + 5,04 + 4,96

b) 96,28 × 3,527 + 3,72 × 3,527

c) 4,86 × 0,25 × 40

Lời giải

a) 7,89 + 5,04 + 4,96	b) 96,28 × 3,527 + 3,72 × 3,527	c) 4,86 × 0,25 × 40
= 7,89 + (5,04 + 4,96)	= 3,527 × (96,28 + 3,72)	= 4,86 × (0,25 × 40)
= 7,89 + 10	= 3,527 × 100	= 4,86 × 10
= 17,89	= 352,7	= 48,6

Bài 2. (2 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 7,68m^2= .....cm^2

b) 8,02km^2= .....ha

c) 3 tấn 7 yến = ...tấn

d) 2ha 150m^2= .....ha

Lời giải

a) 7,68m^2= **76 800** cm^2

b) 8,02km^2= **802** ha

c) 3 tấn 7 yến = **3,07** tấn

d) 2ha 150m^2= **2,015** ha

Bài 3. (2 điểm) Một thửa ruộng hình tam giác có cạnh đáy là 50m và chiều cao tương ứng bằng $\frac{1}{2}$ độ dài đáy. Trên thửa ruộng đó người ta trồng lúa, trung bình cứ 2 m^2 thu được 1,2 kg thóc.

a) Tính diện tích của thửa ruộng.

b) Nếu mỗi ki – lô – gam thóc có giá 14 200 đồng thì bán hết lượng thóc đó người ta thu được bao nhiêu tiền?

Lời giải

a) Chiều cao của thửa ruộng là: 50 : 2 = 25 (m).

Diện tích của thửa ruộng là: 50 × 25 : 2 = 625 (m^2).

b) Trên cả thửa ruộng người ta thu hoạch được số thóc là: 625 : 2 × 1,2 = 375 (kg)

Bán hết lượng thóc đó thì người ta thu được số tiền là: 14 200 × 375 = 5 325 000 (đồng)

Đáp số: a) 625m^2; b) 5 325 000 đồng.

Bài 4. (0,5 điểm) Tính chu vi và diện tích của hình dưới đây:



Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: **Chu vi: 28,56cm ;Diện tích: 44,56cm^2.**

Chu vi của hình tròn bán kính 2cm là: 2 × 2 × 3,14 = 12,56 (cm)

Chu vi của hình đã cho là: 12,56 + 8 × 2 = 28,56 (cm)

Diện tích của hình tròn bán kính 2cm là: 2 × 2 × 3,14 = 12,56 (cm^2)

Chiều rộng của hình chữ nhật là: 2 × 2 = 4 (cm)

Diện tích của hình chữ nhật là: 4 × 8 = 32(cm^2)

Diện tích của hình đã cho là: 12,56 + 32 = 44,56 (cm^2)

ĐỀ SỐ 2
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2026 – 2027

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	C	A	D	D	B	C	C

II. TỰ LUẬN (6,0 đểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 54,3 + 21,97 b) 702,4 – 96,08 c) 2,54 × 8,5 d) 373,8 : 3,5

Lời giải

a) 54,3 + 21,97 **= 76,27** b) 702,4 – 96,08 **= 606,32**

c) 2,54 × 8,5 **= 21,59** d) 373,8 : 3,5 **= 106,8**

Bài 2. (1,5 điểm) a) Tìm x biết: 2,5 : x + 9,9 = 10.

b) Tính bằng cách thuận tiện: 2,023 × 451 + 550 × 2,023 – 2,023

Lời giải

a) 2,5 : x + 9,9 = 10

2,5 : x = 10 – 9,9

2,5 : x = 0,1

x = 2,5 : 0, 1

x = 25.

b) 2,023 × 451 + 550 × 2,023 – 2,023

= 2,023 × (451 + 550 – 1)

= 2,023 × 1000

= 2023.

Bài 3. (2 điểm) Một miếng đất hình thang có diện tích là 5,22 m^2, có chiều cao 18 dm, đáy nhỏ bằng 26 dm. Hỏi đáy lớn của miếng đất dài bao nhiêu mét?

Lời giải

Đổi: 18dm = 1,8m; 26dm = 2,6m

Tổng độ dài hai đáy của miếng đất hình thang là: 5,22 × 2 : 1,8 = 5,8 (m)

Đáy lớn của miếng đất hình thang là: 5,8 – 2,6 = 3,2 (m)

Đáp số: 3,2 m

Bài 4. (0,5 điểm) Bánh xe bé của một máy kéo có bán kính 0,5m, bánh xe lớn của máy kéo đó có bán kính 1 m. Hỏi khi bánh xe bé lăn được 10 vòng thì bánh xe lớn lăn được mấy vòng?

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: *Bánh xe lớn lăn được 5 vòng.*

(Chu vi bánh xe bé là: 3,14 × 2 × 0,5 = 3,14 (m)

Chu vi bánh xe lớn là: 3,14 × 2 × 1 = 6,28 (m)

Bánh xe bé lăn 10 vòng được quãng đường là: 3,14 × 10 =31,4 (m)

31,4 m cũng là quãng đường bánh xe lớn lăn được, do đó bánh xe lớn lăn được số vòng là:

31,4 : 6,28 = 5 (vòng))

ĐỀ SỐ 3
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2026 – 2027

Môn: Toán lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7 (1 điểm)
Đáp án	D	D	B	C	C	A	a) MB b) AB c) BC - AH

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính.

a) 93,54 + 527,6 b) 765,47 – 214,36 c) 6,54 x 1,39 d) 8,892 : 3,6

Lời giải

a) 93,54 + 527,6

$$\begin{array}{r} 93,54 \\ +\ 527,6 \\ \hline 621,14 \end{array}$$

b) 765,47 – 214,36

$$\begin{array}{r} 765,47 \\ -\ 214,36 \\ \hline 551,11 \end{array}$$

c) 6,54 x 1,39

$$\begin{array}{r} 6,54 \\ \times\ 1,39 \\ \hline 5886 \\ 1962 \\ 654 \\ \hline 9,0906 \end{array}$$

d) 8,892 : 3,6

$$\begin{array}{r|l} 8,892 & 3,6 \\ \hline 16\,9 & 2,47 \\ 252 & \\ 0 & \end{array}$$

Bài 2. (1,5 điểm) Biển báo giao thông *Giao nhau với đường ưu tiên* có dạng hình tam giác đều (như hình bên), độ dài mỗi cạnh là 70 cm và chiều cao là 60,62 cm. Tính diện tích của biển báo đó.

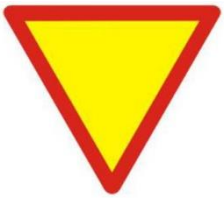

Lời giải

Diện tích của biển báo đó là:

70 x 60,62 : 2 = 2121,7 (cm^2)

Đáp số: 2121,7cm^2

Bài 3. (2 điểm) Cho hình tròn tâm O và hình vuông ABCD (như hình bên), biết chu vi hình vuông là 24 cm.

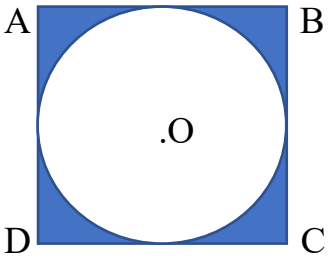

a) Tính diện tích hình tròn tâm O.

b) Tính diện tích phần tô đậm.

Lời giải

a) Độ dài cạnh hình vuông là: 24 : 4 = 6 (cm)

Bán kính hình tròn là: 6 : 2 = 3 (cm)

Diện tích hình tròn là: 3,14 x 3 x 3 = 28,26 (cm^2)

b) Diện tích hình vuông là: 6 x 6 = 36 (cm^2)

Diện tích phần tô đậm là: 36 – 28,26 = 7,74 (cm^2)

Đáp số: a) 28,26 cm^2 b) 7,74 cm^2

Bài 4. (0,5 điểm) Tính bằng cách thuận tiện.

98,05 x 7,3 + 98,05 x 4,6 - 98,05 x 1,9

Lời giải

98,05 x 7,3 + 98,05 x 4,6 - 98,05 x 1,9

= 98,05 x (7,3 + 4,6 – 1,9)

= 98,05 x 10

= 980,5